

**Danh sách thu hồi đất các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thể thao Olympic**  
**Địa bàn Thôn Dư Dụ, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (Đợt 2)**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày / 06 /2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)*

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Hộ ông Nguyễn Bá Thành	001070050228	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	262	90,0	0,0	90,0	LUC	05 +06	27c + 35d	90	LUC	CE 207964	07/09/2016
				Mút	50	349	133,0	0,0	133,0	LUC	8	87	133			
				Đó 3 Khoảnh 2	60	110	1470,0	0,0	1470,0	LUC	07	77	1470			
2	Hộ ông Nguyễn Bá Thường	001071013506	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	218	152,0	0,0	152,0	LUC	9	19	152	LUC	CE 336832	24/9/2016
				Mút	50	283	79,0	0,0	79,0	LUC	8	78	79			
				Đồng Quàng 1	50	510	272,0	0,0	272,0	LUC	6	74	272			
				Tròn 3 khoảnh 2	60	93	1850,0	0,0	1850,0	LUC	7	59	1850			
3	Hộ ông Nguyễn Bình (chết) Đỗ Thị Liên	001164035593	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	49	250	1350,0	0,0	1350,0	LUC	5	155	1350	LUC	CG 345023	30/12/2016
4	Hộ ông Nguyễn Công Hà - Vũ Thị Giang đại diện	001171035430	Thôn Dư Dụ	Mút	50	148	300,0	0,0	300,0	LUC	8	51	300	LUC	CG 345044	30/12/2016
				Chũng Láng	50	257	150,0	0,0	150,0	LUC	6	37c	150			
				Đồng Chiềc	50	386	682,0	0,0	682,0	LUC	XC	7	682			
5	Hộ ông Nguyễn Công Hiệ	001071050699	Thôn Dư Dụ	Chũng láng	50	211	84,0	0,0	84,0	LUC	1	6c	84	LUC	CE 586424	30/9/2016
				Đồng Quàng	50	594	1557,0	0,0	1557,0	LUC	6	153	1557			
6	Hộ ông Nguyễn Công Khê	001041001093	Thôn Dư Dụ	Mút	50	129	166,0	0,0	166,0	LUC	8	61	166	LUC	CE 207960	7/9/2016
				Chũng Láng	50	222	119,0	0,0	119,0	LUC	5	28C	119			
7	Hộ ông Nguyễn Công Kỳ	001071023853	Thôn Dư Dụ	Đồng Quàng	49	258	80,0	0,0	80,0	LUC	6	95	80	LUC	CE 396393	9/10/2016
				Chũng Láng	50	328	28,0	0,0	28,0	LUC	2	9c	28			
				Tròn 2	60	32	496,0	0,0	496,0	LUC	07	23	496			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
8	Hộ ông Nguyễn Công Miến (Cũ)	001057028239	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	162	101,0	0,0	101,0	LUC	9	9	101	LUC	CG 411579	30/12/2016
9	Hộ ông Nguyễn Công Minh	001081028726	Thôn Dư Dụ	Quảng 1	50	506	29,0	0,0	29,0	LUC	6	72	29	LUC	CE 800016	09/12/2016
				Tròn 3 khoảnh 2	60	80	198,0	0,0	198,0	LUC	07	55	198			
10	Hộ ông Nguyễn Công Nghiệp	001068037716	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	49	196	382,0	0,0	382,0	LUC	5	22	382	LUC	CG 411533	30/12/2016
				Mút	50	108	234,0	0,0	234,0	LUC	8	44	234			
				Đó 3 Khoảnh 1	60	108	2594,0	0,0	2594,0	LUC	07	22	2594			
11	Hộ ông Nguyễn Công Pho	001059034726	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	174	250,0	0,0	250,0	LUC	9	49	250	LUC	CG 411555	30/12/2016
				Quảng Hai	49	310	1987,0	0,0	1987,0	LUC	5	113	1987			
				Mút	50	131	148,0	0,0	148,0	LUC	8	59	148			
				Đồng Chè	50	413	357,0	0,0	357,0	LUC	6	37	357			
12	Hộ ông Nguyễn Công Phùng	001068007128	Thôn Dư Dụ	Đồng Quảng 1	49	228	311,0	0,0	311,0	LUC	5	98	311	LUC	CE 336816	9/24/2016
				Tròn 1 Khoảnh 2	50	642	1731,0	0,0	1731,0	LUC	6	210	1731			
13	Hộ ông Nguyễn Công Thịnh - Nguyễn Công Tâm đại diện	001073014253	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	173	232,0	0,0	232,0	LUC	31	0	232	LUC	CE 586448	30/9/2016
				Đồng Chè	50	177	455,0	0,0	455,0	LUC	6	20	455			
				Mút	50	217	185,0	0,0	185,0	LUC	0	70	185			
				Các Cụ	50	497	2535,0	0,0	2535,0	LUC	6	113	2535			
14	Hộ ông Nguyễn Công Trường	001078008645	Thôn Dư Dụ	Mút	50	290	136,0	0,0	136,0	LUC	8	74	136	LUC	CE 336822	24/09/2016
				Đồng Quảng 1	50	539	76,0	0,0	76,0	LUC	6	87	76			
				Tròn 1 Khoảnh 2	50	619	421,0	0,0	421,0	LUC	6	214	421			
15	Hộ ông Nguyễn Công Tú	001059024993	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	193	28,0	0,0	28,0	LUC	00	5/13a	28	LUC	CG 411801	30/12/2016
				Đó 3 khoảnh 2	60	114	544,0	0,0	544,0	LUC	07	80	544			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
16	Hộ ông Nguyễn Công Tuấn	001071008574	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	149	206,0	0,0	206,0	LUC	9	44	206	LUC	CG 345052	30/12/2016
				Chũng Láng	50	405	77,0	0,0	77,0	LUC	3	18c	77			
				Mút	50	60	94,0	0,0	94,0	LUC	8	26	94			
17	Hộ ông Nguyễn Công Việt	001062041687	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	218	110,0	0,0	110,0	LUC	5	28d	110	LUC	CE 586444	30/09/2016
				Mút	50	38	54,0	0,0	54,0	LUC	8	55	54			
18	Hộ ông Nguyễn Đức Phước	001076011375	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	123	25,0	0,0	25,0	LUC	6	345	25	LUC	CE 800022	09/11/2016
19	Hộ ông Nguyễn Đức Thiện	001066048310	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	47	187,0	0,0	187,0	LUC	9	120	187	LUC	CG 345034	30/12/2016
20	Hộ ông Nguyễn Đức Thiêng	001056011085	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	70	367,0	0,0	367,0	LUC	8	378	367	LUC	CG241976	30/12/2016
				Cửa Miếu	58	37	212,0	0,0	212,0	LUC	9	120	212			
21	Hộ ông Nguyễn Đức Vĩnh	001072030191	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	76	140,0	0,0	140,0	LUC	9	120	140	LUC	CG 411752	30/12/2016
22	Hộ ông Nguyễn Đức Vụ	001069033457	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	27	187,0	0,0	187,0	LUC	9	120	187	LUC	CE 800008	09/11/2016
23	Hộ bà Nguyễn Thị Mầu	001081026711	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	48	104	272,0	0,0	272,0	LUC	8	381	272	LUC	CE 800595	30/12/2016
24	Hộ ông Nguyễn Duy Bang	001058011813	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	49	1	287,0	0,0	287,0	LUC	5	2	287	LUC	CG 411543	30/12/2016
				Chũng Láng	50	318	147,0	0,0	147,0	LUC	6	40a	147			
				Mút	50	40	108,0	0,0	108,0	LUC	8	35	108			
25	Hộ ông Nguyễn Duy Biên	001061006561	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	200	265,0	0,0	265,0	LUC	9	23	265	LUC	CE 207967	07/9/2016
				Mút	50	238	126,0	0,0	126,0	LUC	8	65	126			
				Chũng Láng	50	275	179,0	0,0	179,0	LUC	1	3a	179			
26	Hộ ông Nguyễn Duy Cẩm	001059035510	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	192	163,0	0,0	163,0	LUC	9	25	163	LUC	CE 207961	07/09/2016
				Mút	50	142	207,0	0,0	207,0	LUC	8	53	207			
				Chũng Láng	50	685	127,0	0,0	127,0	LUC	1	2b	127			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
27	Hộ ông Nguyễn Duy Cự	001056006034	Thôn Dư Dụ	Đó 3 khoảnh 2	59	119	1584,3	0,0	1584,3	LUC	7	81	1584,3	LUC	CG 411787	30/12/2016
				Đồng Nâu	58	8	803,0	0,0	803,0	LUC	9	8	803			
				Đó 3 khoảnh 1	59	110	2319,2	0,0	2319,2	LUC	07	74	2319,2			
28	Hộ ông Nguyễn Duy Dương đã chết đại diện bà Nguyễn Thị Lọt	024147004621	Thôn Dư Dụ	Đồng Quảng 2	50	596	978,0	0,0	978,0	LUC	6	154	978	LUC	CG 241972	30/12/2016
				Đồng Nâu	48	168	189,0	0,0	189,0	LUC	9	8	189			
				Chũng Láng	50	383	138,0	0,0	138,0	LUC	8	46A	138			
29	Hộ ông Nguyễn Duy Đường	001074040123	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	191	68,0	0,0	68,0	LUC	5	33d	68	LUC	CE 207953	07/09/2016
				Mút	50	382	95,0	0,0	95,0	LUC	8	100	95			
30	Hộ ông Nguyễn Duy Duyên	001074001839	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	375	37,0	0,0	37,0	LUC	8	46c	37	LUC	CE 800004	09/11/2016
				Đồng Quảng	50	597	440,0	0,0	440,0	LUC	6	155	440			
31	Hộ ông Nguyễn Duy Hào	001069037838	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	140	101,0	0,0	101,0	LUC	9	38	101	LUC	CG 411761	30/12/2016
				Chũng Láng	50	439	88,0	0,0	88,0	LUC	8	51e	88			
				Đồng Chiéc	50	476	140,0	0,0	140,0	LUC	XC	13	140			
				Tròn 2	60	43	1443,0	0,0	1443,0	LUC	07	20	1443			
32	Hộ ông Nguyễn Duy Hinh (đã chết) bà Trần Thị Tuyền đại diện	001138035422	Thôn Dư Dụ	Mút	50	111	148,0	0,0	148,0	LUC	8	42	148	LUC	CE 586422	30/9/2016
				Chũng Láng	50	424	162,0	0,0	162,0	LUC	7	42a	162			
				Các Cự	50	494	1145,0	0,0	1145,0	LUC	6	114	1145			
				Tròn 1 khoảnh 1	50	607	612,0	0,0	612,0	LUC	6	195	612			
33	Hộ ông Nguyễn Duy Hoạt	001057028002	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	224	224,0	0,0	224,0	LUC	1	5b	224	LUC	CG 411548	30/12/2016
				Mút	50	401	80,0	0,0	80,0	LUC	8	94	80			
				Lưỡi Giao 1	50	517	566,0	0,0	566,0	LUC	6	101	566			
				Đồng Nâu	58	5	1487,0	0,0	1487,0	LUC	4	1	1487			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
34	Hộ ông Nguyễn Duy Hội	001062007925	Thôn Dư Dụ	Mút	50	101	99,0	0,0	99,0	LUC	8	48	99	LUC	CE 396402	10/09/2016
				Chũng Láng	50	438	118,0	0,0	118,0	LUC	8	50a	118			
35	Hộ ông Nguyễn Duy Hưng	001069033585	Thành nhất buôn ma thuật	Chũng Láng	50	268	56,0	0,0	56,0	LUC	6	34c	56	LUC	CE 800598	26/12/2016
				Đồng Chè	50	428	160,0	0,0	160,0	LUC	6	32	160			
				Lưỡi Giao	50	501	894,0	0,0	894,0	LUC	6	106	894			
36	Hộ ông Nguyễn Duy Huyền( đã chết) đại diện Lê Thị Tráng	001163044602	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	193	153,0	0,0	153,0	LUC	9	15	153	LUC	CE 586443	9/30/2016
				Chũng Láng	50	237	90,0	0,0	90,0	LUC	5	26a	90			
				Mút	50	396	89,0	0,0	89,0	LUC	8	95	89			
				Đồng Quảng 1	50	556	221,0	0,0	221,0	LUC	6	126	221			
37	Hộ ông Nguyễn Duy Khải	001063042550	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	252	167,0	0,0	167,0	LUC	6	37a	167	LUC	CG 411572	30/12/22016
38	Hộ ông Nguyễn Duy Khoa	001068036704	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	197	207,0	0,0	207,0	LUC	9	18	207	LUC	CE 336833	24/09/2016
				Đồng Chiếc	50	160	375,0	0,0	375,0	LUC	XC	1	375			
				Chũng Láng	50	213	143,0	0,0	143,0	LUC	1	6a	143			
				Mút	50	272	103,0	0,0	103,0	LUC	8	82	103			
39	Hộ ông Nguyễn Duy Ký( đã chết) Vũ Thị Ngọc Đại diện	001165035846	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	148	276,0	0,0	276,0	LUC	9	36	276	LUC	CE 800018	11/9/2016
				Đồng Quảng 1	50	548	336,0	0,0	336,0	LUC	6	119	336			
				Chũng Láng	50	684	138,0	0,0	138,0	LUC	6	39a	138			
				Tròn 2	60	11	2074,0	0,0	2074,0	LUC	07	02	2074			
40	Hộ ông Nguyễn Duy Máy	001067030089	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	141	102,0	0,0	102,0	LUC	9	28	102	LUC	CG 411580	30/12/2016
				Chũng Láng	50	442	88,0	0,0	88,0	LUC	0	8/51c	88			
				Đồng Nâu	58	7	180,0	0,0	180,0	LUC	9	413	180			
41	Hộ ông Nguyễn Duy Ngoan	001065006872	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	467	137,0	0,0	137,0	LUC	4	23c	137	LUC	CG 345047	30/12/2016
				Đồng Quảng 1	49	247	284,0	0,0	284,0	LUC	5	99	284			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
42	Hộ bà Nguyễn Thị Hiền	001080014961	Thôn Dư Dụ	Mút	50	17	69,0	0,0	69,0	LUC	8	16	69	LUC	CG 345054	30/12/2016
				Chũng Láng	50	264	107,0	0,0	107,0	LUC	6	35a	107			
				Mút	50	44	158,0	0,0	158,0	LUC	8	33	158			
43	Hộ bà Nguyễn Thị Huệ (Vĩnh)	001173035755	Thôn Dư Dụ	Mút	50	320	36,0	0,0	36,0	LUC	8	90	36	LUC	CE 336825	24/9/2016
				Chũng Láng	50	465	85,0	0,0	85,0	LUC	4	23a	85			
				Đồng Chè	50	491	235,0	0,0	235,0	LUC	6	5	235			
44	Hộ bà Nguyễn Thị Khiết	001143009004	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	400	87,0	0,0	87,0	LUC	3	17a	87	LUC	CE 586425	30/09/2016
45	Hộ bà Nguyễn Thị Kiệt	001155004749	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	177	361,0	0,0	361,0	LUC	9	30	361	LUC	CE 207959	07/09/2016
46	Hộ bà Nguyễn Thị Lênh	001170039261	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	143	304,0	0,0	304,0	LUC	9	39	304	LUC	CG 411567	30/12/2016
				Mút	50	19	186,0	0,0	186,0	LUC	8	14	186			
				Chũng Láng	50	417	125,0	0,0	125,0	LUC	7	41a	125			
47	Hộ bà Nguyễn Thị Liễu	001133005755	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	171	205,0	0,0	205,0	LUC	9	48	205	LUC	CE 207956	07/09/2016
				Đồng Chè	49	132	273,0	0,0	273,0	LUC	6	3	273			
				Đồng Quàng 3	49	357	1520,0	0,0	1520,0	LUC	5	119	1520			
				Chũng Láng	50	466	117,0	0,0	117,0	LUC	4	23b	117			
48	Hộ bà Nguyễn Thị Loan(1969)	001169007054	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	213	148,0	0,0	148,0	LUC	8	376	148	LUC	CG 241959	30/12/2016
				Bãi Láng	48	71	367,0	0,0	367,0	LUC	8	379	367			
				Đồng Ké	49	348	837,0	0,0	837,0	LUC	5	221	837			
				Chũng Láng	50	241	121,0	0,0	121,0	LUC	6	32	121			
				Bãi Láng	48	223	184,0	0,0	184,0	LUC	8	378	184			
49	Hộ bà Nguyễn Thị Loan (1959)	001159018626	Thôn Dư Dụ	Mút	50	289	141,0	0,0	141,0	LUC	8	141	141	LUC	CE 207697	07/09/2016
				Đồng Chè	50	303	61,0	0,0	61,0	LUC	6	48	61			
				Chũng Láng	50	229	26,0	0,0	26,0	LUC	5	25a	26			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
50	Hộ bà Nguyễn Thị Loan (1975)	001175036436	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	420	28,0	0,0	28,0	LUC	07	41d	28	LUC	CE 800002	09/11/2016
				Tròn 1 Khoảnh 1	50	647	447,0	0,0	447,0	LUC	06	206	447			
				Đồng Chè	49	184	80,0	0,0	80,0	LUC	05	61	80			
51	Hộ bà Nguyễn Thị Mát	001173036586	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	163	255,0	0,0	255,0	LUC	9	47	255	LUC	CE 336826	24/09/2016
				Chũng Láng	50	282	38,0	0,0	38,0	LUC	1	3C	38			
				Cửa Chùa	48	99	227,0	0,0	227,0	LUC	8	450	227		CE 800026	09/11/2016
52	Hộ bà Nguyễn Thị Mơ	001141007760	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	194	159,0	0,0	159,0	LUC	9	56	159	LUC	CG 411554	30/12/2016
				Tròn 3 Khoảnh 1	60	26	917,0	0,0	917,0	LUC	14	07	917			
				Đồng Quảng 1	50	569	149,0	0,0	149,0	LUC	6	141	149			
53	Hộ bà Nguyễn Thị Năng	001174046735	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	50	132	17,0	0,0	17,0	LUC	6	17	17	LUC	CE 397816	08/12/2016
				Đồng Quảng 2	50	591	92,0	0,0	92,0	LUC	6	151	92			
54	Hộ bà Nguyễn Thị Ngoan	001172001237	Thôn Dư Dụ	Đồng Quảng 1	49	278	81,0	0,0	81,0	LUC	5	127	81	LUC	CE 586437	30/9/2016
				Tròn 3 khoảnh 1	60	50	498,0	0,0	498,0	LUC	30	07	498			
				Chũng Láng	50	309	25,0	0,0	25,0	LUC	6	38c	25			
55	Hộ bà Nguyễn Thị Phiến	001156027186	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	48	121	227,0	0,0	227,0	LUC	8	381	227	LUC	CE 800011	09/11/2016
				Đồng Ké	49	286	627,0	0,0	627,0	LUC	5	170	627			
56	Hộ bà Nguyễn Thị Quy	001150004646	Thôn Dư Dụ	Mút	50	393	32,0	0,0	32,0	LUC	8	96	32	LUC	CG 411564	30/12/2016
				Tròn 1 khoảnh 1	50	626	2660,0	0,0	2660,0	LUC	6	200	2660			
57	Hộ ông Phạm Văn Bằng	001063033456	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	159	193,0	0,0	193,0	LUC	9	35	193	LUC	CE 207963	07/09/2016
				Mút	50	287	64,0	0,0	64,0	LUC	8	76	64			
				Đồng Chiéc	50	329	276,0	0,0	276,0	LUC	XC	5	276			
				Chũng Láng	50	445	85,0	0,0	85,0	LUC	8	49c	85			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
58	Hộ ông Nguyễn Công Phi (Lông)	017122117	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	155	201,0	0,0	201,0	LUC	09	00	201	LUC	CG 411574	12/30/2016
				Chũng Láng	50	267	140,0	0,0	140,0	LUC	06	34b	140			
				Đồng Chè	50	301	368,0	0,0	368,0	LUC	06	26	368			
59	Hộ ông Nguyễn Công Phương	001066008868	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	159	222,0	0,0	222,0	LUC	6	327	222	LUC	CG 241958	30/12/2016
60	Hộ ông Nguyễn Công Tôn (Ông Tôn đã chết) - Ông Nguyễn Công Hồ đại diện	00105900907	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	460	65,0	0,0	65,0	LUC	4	21c	65	LUC	CE 207698	01/09/2016
61	Hộ ông Nguyễn Duy Nguyên	001058032598	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	227	168,0	0,0	168,0	LUC	5	26b	168	LUC	CE 207957	9/7/2016
				Mút	50	83	79,0	0,0	79,0	LUC	0	0	79			
62	Hộ ông Nguyễn Duy Phùng	001070040453	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	49	186	236,0	0,0	236,0	LUC	6	127	236	LUC	BS 085916	09/11/2016
				Chũng Láng	50	429	84,0	0,0	84,0	LUC	8	48b	84			
				Đồng Tròn 1 K1	50	643	1312,0	0,0	1312,0	LUC	6	195	1312			
63	Hộ ông Nguyễn Duy Phương	001093048930	Thôn Dư Dụ	Đồng Quảng 1	49	225	83,0	0,0	83,0	LUC	5	86	83	LUC	CE 586434	30/09/2016
				Đồng Quảng 1	49	226	153,6	0,0	153,6	LUC	6	83	153,6			
				Chũng Láng	50	351	80,0	0,0	80,0	LUC	2	12b	80			
				Tròn 1 K2	50	631	1316,0	0,0	1316,0	LUC	6	212	1316			
64	Hộ ông Nguyễn Duy Quang	001057023326	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	49	2	264,0	0,0	264,0	LUC	5	3	264	LUC	CE 586439	30/9/2016
				Mút	50	120	107,0	0,0	107,0	LUC	8	38	107			
				Chũng Láng	50	474	158,0	0,0	158,0	LUC	4	24e	158			
				Lưỡi Giao 1	50	520	2601,0	0,0	2601,0	LUC	6	102	2601			
65	Hộ ông Nguyễn Duy Quyển	001064034137	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	421	137,0	0,0	137,0	LUC	7	42d	137	LUC	CE 586435	30/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
66	Hộ ông Nguyễn Duy Sành (Ông Nguyễn Duy Sành đã chết) - Ông Nguyễn Duy Soái đại diện	001079017310	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	454	92,0	0,0	92,0	LUC	1	20a	92	LUC	CE 586432	30/09/2016
67	Hộ ông Nguyễn Duy Sinh - Nguyễn Duy Nhường đại diện	001076000163	Thôn Dư Dụ	Đồng Quang 1	49	263	472,0	0,0	472,0	LUC	5	91	472	LUC	CE 397819	30/9/2016
				Chũng Láng	50	450	175,0	0,0	175,0	LUC	4	20e	175			
68	Hộ ông Nguyễn Duy Sơn	001057008951	Thôn Dư Dụ	Mút	50	140	62,0	0,0	62,0	LUC	8	54	62	LUC	CE 207955	07/09/2016
				Chũng Láng	50	462	167,0	0,0	167,0	LUC	4	22b	167			
69	Hộ ông Nguyễn Duy Sượng	001033003704	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	198	251,0	0,0	251,0	LUC	9	58	251	LUC	CG 411541	30/12/2016
				Chũng Láng	50	675	145,0	0,0	145,0	LUC	3	18d	145			
				Mút	50	75	90,0	0,0	90,0	LUC	2	21	90			
70	Nguyễn Duy Tài	111376839	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	296	57,0	0,0	57,0	LUC	1	7a	57	LUC	CG 411576	30/12/2016
				Mút	50	377	108,0	0,0	108,0	LUC	8	102	108			
				Mút	50	43	38,5	0,0	38,5	LUC	8	5	38,5			
71	Hộ ông Nguyễn Duy Thanh	001066024013	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	201	164,0	0,0	164,0	LUC	9	57	164	LUC	CE 586420	30/09/2016
				Đồng Quang 1	49	267	358,0	0,0	358,0	LUC	5	132	358			
				Mút	50	118	138,0	0,0	138,0	LUC	8	39	138			
				Tròn 3 khoảnh 1	60	77	2212,0	0,0	2212,0	LUC	07	48	2212			
				Chũng Láng	50	219	141,0	0,0	141,0	LUC	1	5a	141			
72	Hộ ông Nguyễn Duy Thao	001068006552	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	219	88,0	0,0	88,0	LUC	9	13	88	LUC	CG 411547	30/12/2016
73	Hộ ông Nguyễn Duy Thịnh	001040001221	Thôn Dư Dụ	Mút	50	270	112,0	0,0	112,0	LUC	8	83	112	LUC	CE 800001	09/11/2016
				Mút	50	354	89,0	0,0	89,0	LUC	8	84	89			
				Chũng Láng	50	366	85,0	0,0	85,0	LUC	8	48c	85			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
74	Hộ ông Nguyễn Duy Thuấn	001076060850	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	419	79,0	0,0	79,0	LUC	7	41c	79	LUC	CG 411578	30/12/2016
				Đồng Quang 1	50	537	208,0	0,0	208,0	LUC	6	90	208			
				Tròn 1 Khoảnh 2	50	616	1158,0	0,0	1158,0	LUC	6	215	1158			
75	Hộ ông Nguyễn Duy Thượng (Ông Nguyễn Duy Thượng đã chết) Ông Nguyễn Duy	001080042547	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	251	56,0	0,0	56,0	LUC	6	36a	56	LUC	CG 411544	30/12/2016
76	Hộ ông Nguyễn Duy Tín	001074019244	Thôn Dư Dụ	Đồng Quang 1	50	561	72,0	0,0	72,0	LUC	06	131	72	LUC	CE 800005	11/9/2016
				Chũng Láng	50	670	94,0	0,0	94,0	LUC	06	35c	94			
				Mút	50	348	111,0	0,0	111,0	LUC	08	88	111			
77	Hộ ông Nguyễn Duy Tô	001072040360	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	209	72,0	0,0	72,0	LUC	9	56	72	LUC	CG 411540	30/12/2016
				Chũng Láng	50	430	28,0	0,0	28,0	LUC	8	4/24D	28			
				Tròn 3 khoảnh 1	60	27	590,0	0,0	590,0	LUC	07	16	590			
				Đồng Quang 1	50	570	96,0	0,0	96,0	LUC	6	142	96			
78	Hộ ông Nguyễn Duy Trụ	001056021127	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	191	191,0	0,0	191,0	LUC	9	14	191	LUC	CG 411565	30/12/2016
				Mút	50	276	256,0	0,0	256,0	LUC	8	81	256			
79	Hộ ông Nguyễn Duy Trường	001060033284	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	269	140,0	0,0	140,0	LUC	1	2C	140	LUC	CG 411542	30/12/2016
				Lưỡi Giao 2	50	568	986,0	0,0	986,0	LUC	6	163	986			
				Đồng Quang 2	50	598	1411,0	0,0	1411,0	LUC	6	156	1411			
80	Hộ ông Nguyễn Duy Tú	001059027796	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	179	192,0	0,0	192,0	LUC	9	12	192	LUC	CG 241956	30/12/2016
				Đồng Quang 1	49	272	431,0	0,0	431,0	LUC	5	129	431			
				Chũng Láng	50	464	166,0	0,0	166,0	LUC	4	22A	166			
				Tròn 3 khoảnh 1	60	62	2664,0	0,0	2664,0	LUC	07	38	2664			
				Tròn 3 khoảnh 2	60	69	350,0	0,0	350,0	LUC	07	44	350			
				Mút	50	71	91,0	0,0	91,0	LUC	8	22	91			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
81	Hộ ông Nguyễn Duy Tuấn	001061033496	Thôn Dư Dụ	Đồng Chiềc	50	416	456,0	0,0	456,0	LUC	XC	16	456	LUC	CG 411546	30/12/2016
				Đồng Nâu	48	161	287,0	0,0	287,0	LUC	9	32	287			
				Chũng Láng	50	197	193,0	0,0	193,0	LUC	5	32a	193			
82	Hộ ông Nguyễn Duy Tuấn (Huệ)	001076014718	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	367	28,0	0,0	28,0	LUC	06, 08	53c, 48d	28	LUC	CG 345046	12/30/2016
				Đồng Quảng 1	49	257	80,0	0,0	80,0	LUC	05	94	80			
				Tròn 2	60	30	496,0	0,0	496,0	LUC	07	22	496			
83	Hộ ông Nguyễn Duy Tường	001069010073	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	207	58,0	0,0	58,0	LUC	5	29a	58	LUC	CE 396397	10/09/2016
				Mút	50	45	69,0	0,0	69,0	LUC	8	54	69			
				Đồng Chiềc	50	498	281,0	0,0	281,0	LUC	XC	12	281			
84	Hộ ông Nguyễn Duy Xương	001072022264	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	452	27,0	0,0	27,0	LUC	4	20c	27	LUC	CE 336817	24/09/2016
85	Hộ ông Nguyễn Gia Điều	001065034149	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	38	75,0	0,0	75,0	LUC	8	376	75	LUC	CG 345033	30/12/2016
				Cửa Miếu	58	56	135,0	0,0	135,0	LUC	9	120	135			
86	Hộ ông Nguyễn Hải Vũ	001061029370	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	26	141,0	0,0	141,0	LUC	8	376	141	LUC	CG 222128	26/12/2016
				Cửa Chùa	49	251	436,5	0,0	436,5	LUC	5	156	436,5			
87	Hộ ông Nguyễn Kim Đình	001069040133	Thôn Dư Dụ	Đồng Ké	49	311	1003,5	0,0	1003,5	LUC	5	199	1003,5	LUC	CE 586396	23/11/2016
				Cửa Miếu	58	40	187,0	0,0	187,0	LUC	9	120	187			
88	Hộ ông Nguyễn Ngọc Vi	001077039605	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	50	249	161,0	0,0	161,0	LUC	6	22	161	LUC	CG 345043	30/12/2016
				Chũng Láng	50	471	49,0	0,0	49,0	LUC	4	24b	49			
				Các Cự	50	499	899,0	0,0	899,0	LUC	6	112	899			
89	Hộ ông Nguyễn Quốc Lân	001061012015	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	55	184,0	0,0	184,0	LUC	8	377	184	LUC	CG 411757	30/12/2016
				Cửa Miếu	58	85	94,0	0,0	94,0	LUC	9	120	94			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
90	Hộ ông Nguyễn Thế Bảo	001066040131	Thôn Dư Dụ	Mút	50	133	71,0	0,0	71,0	LUC	8	58	71	LUC	CG 411563	30/12/201
				Đông Chiéc	50	307	717,0	0,0	717,0	LUC	XC	3	717			
				Chũng Láng	50	415	94,0	0,0	94,0	LUC	7	41b	94			
				Đông Quảng 1	50	536	143,0	0,0	143,0	LUC	6	91	143			
				Đông Gò	50	577	474,0	0,0	474,0	LUC	6	181	474			
				Tròn 1 Khoảnh 2	50	611	368,0	0,0	368,0	LUC	6	216	368			
91	Hộ bà Nguyễn Thị Bẩy	001176017365	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	423	28,0	0,0	28,0	LUC	7	42e	28	LUC	CE 586423	30/09/2016
				Đông Nâu	59	38	544,0	0,0	544,0	LUC	5	273	544			
92	Hộ bà Nguyễn Thị Bi	001161036567	Thôn Dư Dụ	Mút	50	100	136,0	0,0	136,0	LUC	8	49	136	LUC	CG 345042	30/12/2016
				Chũng Láng	50	461	127,0	0,0	127,0	LUC	4	21c	127			
93	Hộ bà Nguyễn Thị Bưởi	001127002435	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	167	189,0	0,0	189,0	LUC	6	334	189	LUC	CG 411759	30/12/2016
				Đông Ké	59	8	1310,4	0,0	1310,4	LUC	5	248	1310,4			
94	Hộ bà Nguyễn Thị Cải	001064013388	Thôn Dư Dụ	Đông Ké	49	338	437,0	0,0	437,0	LUC	391	5	437	LUC	CG 241981	30/12/2016
95	Hộ bà Nguyễn Thị Châu	001149015740	Thôn Dư Dụ	Quảng 1	49	273	165,0	0,0	165,0	LUC	5	128	165	LUC	CG 411764	30/12/2017
				Xóm Đông	49	387	80,0	0,0	80,0	LUC	0	1/1	80			
				Mút	50	240	146,0	0,0	146,0	LUC	8	64	146			
				Chũng Láng	50	470	75,0	0,0	75,0	LUC	8	4/24A	75			
				Tròn 3 khoảnh 1	60	60	434,0	0,0	434,0	LUC	07	37	434			
Đông Nâu	59	41	543,0	0,0	543,0	LUC	5	284	543							
96	Hộ bà Nguyễn Thị Chung	001154025287	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	96	367,0	0,0	367,0	LUC	8	378	367	LUC	CE 586390	23/11/2016
97	Hộ bà Nguyễn Thị Chuyện	001154022934	Thôn Dư Dụ	Đông Nâu	48	202	275,0	0,0	275,0	LUC	9	16	275	LUC	CG 411539	30/12/2016
				Mút	50	155	63,0	0,0	63,0	LUC	8	57	63			
				Chũng Láng	50	447	193,0	0,0	193,0	LUC	4	19b	193			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
98	Hộ bà Nguyễn Thị Công	001147022363	Thôn Dư Dụ	Đồng Quang 1	49	197	393,0	0,0	393,0	LUC	5	45	393	LUC	CG 411538	30/12/2016
				Mút	50	352	104,0	0,0	104,0	LUC	8	85	104			
				Đó 3 khoảnh 1	60	107	2663,0	0,0	2663,0	LUC	07	67	2663			
99	Hộ bà Nguyễn Thị Cư	001153015152	Thôn Dư Dụ	Láng	48	80	367,0	0,0	367,0	LUC	8	395	367	LUC	CG 222122	26/12/2016
100	Hộ bà Nguyễn Thị Cũng	001140010553	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	277	59,0	0,0	59,0	LUC	6	53b	59	LUC	CE 396392	10/09/2016
101	Hộ bà Nguyễn Thị Dân	001154028307	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	332	112,0	0,0	112,0	LUC	2	106	112	LUC	CG 345053	30/12/2016
102	Hộ bà Nguyễn Thị Diệc	001134007305	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	72	367,0	0,0	367,0	LUC	8	377	367	LUC	CE 800012	09/11/2016
				Đồng Nâu	59	15	1597,2	0,0	1597,2	LUC	5	260	1597,2			
103	Hộ bà Nguyễn Thị Dung	001161013626	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	211	76,0	0,0	76,0	LUC	9	19	76	LUC	CE 396399	10/09/2016
				Mút	50	281	162,0	0,0	162,0	LUC	8	79	162			
				Tròn 3 khoảnh 2	60	89	1541,0	0,0	1541,0	LUC	07	56	1541			
				Chũng Láng	50	294	95,0	0,0	95,0	LUC	1	4e	95			
104	Hộ bà Nguyễn Thị Hạnh	001174017310	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	183	203,0	0,0	203,0	LUC	9	28	203	LUC	CE 336831	24/9/2016
				Đồng Quang 1	49	227	196,0	0,0	196,0	LUC	5	97	196			
				Mút	50	225	96,0	0,0	96,0	LUC	8	18	96			
				Đồng Tròn 1 K2	50	636	1094,0	0,0	1094,0	LUC	9	176	1094		CG 345012	30/12/2016
				Bãi Láng	48	52	367,0	0,0	367,0	LUC	8	378	367			
				Cửa Miếu	58	49	218,0	0,0	218,0	LUC	9	120	218			
				Chũng Láng	50	119	95,0	0,0	95,0	LUC	06	346	95			
Cửa Miếu	58	67	135,0	0,0	135,0	LUC	9	120	135							
105	Hộ bà Nguyễn Thị Hiếu	001139000798	Thôn Dư Dụ	Đồng Quang 1	49	271	229,0	0,0	229,0	LUC	5	82	229	LUC	CE 207951	07/09/2016
				Mút	50	127	101,0	0,0	101,0	LUC	8	57	101			
				Tròn 3 khoảnh 1	60	66	1412,0	0,0	1412,0	LUC	07	41	1412			
				Chũng Láng	50	407	68,0	0,0	68,0	LUC	3	52c	68			
106	Hộ bà Nguyễn Thị Khiên	001162014988	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	194	41,0	0,0	41,0	LUC	5	33c	41	LUC	CE 396394	10/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
107	Hộ bà Nguyễn Thị Phương Thủy	001172023320	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	410	81,0	0,0	81,0	LUC	3	52b	81	LUC	CE 336820	24/09/2016
108	Hộ bà Nguyễn Thị Quyên + Mai Đình Hữu + Mai Đình Hòa	001151014324	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	49	256	582,3	0,0	582,3	LUC	5	159	582,3	LUC	CG 222133	26/12/2016
				Chũng Láng	50	139	90,0	0,0	90,0	LUC	6	320, 315	90			
				Chũng Láng	50	147	55,0	0,0	55,0	LUC	6	320315	55			
				Cửa Miếu	58	39	182,0	0,0	182,0	LUC	9	120	182			
109	Hộ bà Nguyễn Thị Quyết	001143011821	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	170	201,0	0,0	201,0	LUC	9	45	201	LUC	CG 345050	30/12/2016
				Đồng Quảng 1	49	231	503,0	0,0	503,0	LUC	5	107	503			
				Tròn 1 Khoảnh 2	60	15	1946,4	0,0	1946,4	LUC	08	07	1946,4			
				Tròn Khoảnh 1	50	651	860,7	0,0	860,7	LUC	6	207	860,7			
110	Hộ bà Nguyễn Thị Sâm	001162036110	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	111	394,0	0,0	394,0	LUC	8	379	394	LUC	CG 222134	26/12/2016
				Má Bà	49	229	445,0	0,0	445,0	LUC	5	153	445			
				Chũng Láng	50	103	159,0	0,0	159,0	LUC	6	355	159			
111	Hộ bà Nguyễn Thị Thê - Nguyễn Thị Phương	001162045802	Thôn Dư Dụ	Mút	50	244	226,0	0,0	226,0	LUC	8	62	226	LUC	CE 336824	24/9/2016
				Đồng Quảng 1	50	551	208,0	0,0	208,0	LUC	6	122	208			
				Tròn 2	50	652	1288,0	0,0	1288,0	LUC	6	220	1288			
112	Hộ bà Nguyễn Thị Tho	001133006075	Thôn Dư Dụ	Đồng Gò	50	547	271,0	0,0	271,0	LUC	6	111	271	LUC	CE 336830	24/09/2016
				Đồng Quảng 1	50	557	44,0	0,0	44,0	LUC	6	210	44			
				Mút	50	99	49,0	0,0	49,0	LUC	8	47	49			
113	Hộ bà Nguyễn Thị Thơm (Úc)	001131002111	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	65	92,0	0,0	92,0	LUC	9	120	92	LUC	CG 411782	30/12/2016
114	Hộ bà Nguyễn Thị Thường	001160050295	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	48	109	227,0	0,0	227,0	LUC	8	149	227	LUC	CG 241961	30/12/2016
115	Hộ bà Nguyễn Thị Thường (1950)	001150023967	Thôn Dư Dụ	Tròn 2	60	36	1563,0	0,0	1563,0	LUC	24	07	1563	LUC	CG 241955	30/12/2016
				Mút	50	54	109,0	0,0	109,0	LUC	8	29	109			
				Đồng Nâu	58	2	288,0	0,0	288,0	LUC	9	13	288			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
116	Hộ bà Nguyễn Thị Thúy	001161031241	Thôn Dư Dụ	Bờ Be	49	382	250,0	0,0	250,0	LUC	9	123	250	LUC	CG 241960	30/12/2016
				Chũng Láng	50	691	30,0	0,0	30,0	LUC	6	354	30			
				Cửa Miếu	58	61	141,0	0,0	141,0	LUC	9	120	141			
117	Hộ bà Nguyễn Thị Thúy	001162018975	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	175	202,0	0,0	202,0	LUC	9	10	202	LUC	CE 586421	30/9/2016
				Mút	50	178	115,0	0,0	115,0	LUC	8	71	115			
118	Hộ bà Nguyễn Thị Viên	00110097835	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	46	216,0	0,0	216,0	LUC	9	120	216	LUC	CG 241967	30/12/2016
119	Hộ bà Nguyễn Thị Vòng (Thư)	001173044337	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	171	49,0	0,0	49,0	LUC	6	337	49	LUC	CE 800032	09/11/2016
120	Hộ bà Nguyễn Thị Vụ	001151014660	Thôn Dư Dụ	Mút	50	297	120,0	0,0	120,0	LUC	8	72	120	LUC	CE 396398	10/09/2016
121	Hộ bà Nguyễn Thị Vượng	001154007788	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	667	168,0	0,0	168,0	LUC	5	25c	168	LUC	CG 345051	30/12/2016
				Đồng Nâu	58	4	810,0	0,0	810,0	LUC	8	5-1	810			
122	Hộ bà Nguyễn Thị Xìn	001158043112	Thôn Dư Dụ	Mút	50	121	124,0	0,0	124,0	LUC	8	37	124	LUC	CE 207954	07/9/2016
				Chũng Láng	50	295	124,0	0,0	124,0	LUC	1	4a	124			
123	Hộ bà Nguyễn Thị Xước (Bà Nguyễn Thị Xước đã chết) Ông Nguyễn Văn Tư đại diện	001076016331	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	182	292,0	0,0	292,0	LUC	9	11	292	LUC	CG 411763	30/12/2016
				Đồng Nâu	48	185	203,0	0,0	203,0	LUC	9	54	203			
				Chũng Láng	50	311	171,0	0,0	171,0	LUC	6	38b	171			
124	Hộ bà Nguyễn Thị Xuyên (Thông)	001165011964	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	48	126	110,0	0,0	110,0	LUC	8	422	110	LUC	CG 222154	26/12/2016
				Cửa Chùa	49	190	1431,0	0,0	1431,0	LUC	5	139	1431			
				Cửa Miếu	58	22	187,0	0,0	187,0	LUC	9	120	187			
125	Hộ ông Nguyễn Trọng Nhất	001069032669	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	80	140,0	0,0	140,0	LUC	9	120	140	LUC	CG 222151	26/12/2016
126	Hộ ông Nguyễn Văn Báo	001063039297	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	49	193	1229,0	0,0	1229,0	LUC	5	144	1229	LUC	CG 222142	26/12/2016
				Cửa Miếu	58	20	129,0	0,0	129,0	LUC	9	120	129			
127	Hộ ông Nguyễn Văn Bình	001052021145	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	86	367,0	0,0	367,0	LUC	8	377	367	LUC	CE 586392	23/11/2016
				Bãi Láng	48	94	367,0	0,0	367,0	LUC	8	378	367			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
				Mã Bà	49	230	378,0	0,0	378,0	LUC	5	162	378			
128	Hộ ông Nguyễn Văn Bùi( đã chết) bà Nguyễn Thị Căng đại diện	00115009155	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	196	262,0	0,0	262,0	LUC	9	22	262	LUC	CE 207958	07/09/2016
				Mút	50	278	70,0	0,0	70,0	LUC	8	80	70			
129	Hộ ông Nguyễn Văn Can + Nguyễn Văn Phan	001072007385	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	114	312,0	0,0	312,0	LUC	6	348	312	LUC	CG 222139	26/12/2016
130	Hộ ông Nguyễn Văn Chuyển	001054025893	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	138	151,0	0,0	151,0	LUC	9	41	151	LUC	CE 207962	07/9/2016
				Mút	50	232	173,0	0,0	173,0	LUC	8	71	173			
				Đồng Quảng 1	50	505	217,0	0,0	217,0	LUC	6	204	217			
131	Hộ ông Nguyễn Văn Đát	001067031779	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	399	59,0	0,0	59,0	LUC	3	17c	59	LUC	CE 800015	09/11/2016
132	Hộ ông Nguyễn Văn Diệt	001064039753	Thôn Dư Dụ	Đồng Chè	50	325	393,0	0,0	393,0	LUC	6	31`	393	LUC	CG 345041	30/12/2016
				Chũng Láng	50	398	123,0	0,0	123,0	LUC	3	17b	123			
133	Hộ bàTrình Thị Kim Phượng (Nguyễn Văn Định)	001169008178	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	180	253,0	0,0	253,0	LUC	9	27	253	LUC	CE 397818	30/9/2016
				Đồng Chiềc	50	176	362,0	0,0	362,0	LUC	XC	2	362			
				Chũng Láng	50	208	47,0	0,0	47,0	LUC	5	30b	47			
				Đồng Quảng 1	50	553	145,0	0,0	145,0	LUC	6	123	145			
				Tròn 2	50	654	893,0	0,0	893,0	LUC	6	219	893			
134	Hộ ông Nguyễn Văn Duy	001081052078	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	28	140,0	0,0	140,0	LUC	8	376	140	LUC	CG 345009	30/12/2016
				Cửa Miếu	58	53	187,0	0,0	187,0	LUC	9	120	187			
135	Hộ ông Nguyễn Văn Hoạt	001063038268	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	68	367,0	0,0	367,0	LUC	8	377	367	LUC	CG 345010	30/12/2016
				Bãi Láng	48	87	367,0	0,0	367,0	LUC	8	379	367			
				Bãi Láng	48	93	367,0	0,0	367,0	LUC	8	450	367			
				Cửa Chùa	49	192	1706,0	0,0	1706,0	LUC	5	141	1706			
				Cửa Miếu	58	71	140,0	0,0	140,0	LUC	9	120	140			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
136	Hộ ông Nguyễn Văn Hợp	001055025579	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	49	259	1387,0	0,0	1387,0	LUC	5	160	1387	LUC	CG 411568	30/12/2016
137	Hộ ông Nguyễn Văn Huy	001075037567	Thôn Dư Dụ	Đó 3 Khoảng 2	60	112	3472,0	0,0	3472,0	LUC	87	7	3472	LUC	CE 586447	30/09/2016
				Mút	50	110	67,0	0,0	67,0	LUC	8	43	67			
				Chũng Láng	50	202	180,0	0,0	180,0	LUC	5	31a	180			
138	Hộ ông Nguyễn Văn Khám	001058034314	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	365	145,0	0,0	145,0	LUC	7	44b	145	LUC	CE 396396	10/9/2016
				Mút	50	388	56,0	0,0	56,0	LUC	8	98	56			
139	Hộ ông Nguyễn Văn Mậu	001068000707	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	123	148,0	0,0	148,0	LUC	9	376	148	LUC	CG 411600	30/12/2016
				Bãi Láng	48	62	183,0	0,0	183,0	LUC	8	378	183			
140	Hộ ông Nguyễn Văn Mậu+Nguyễn Văn Tú	001074040361	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	49	224	2062,0	0,0	2062,0	LUC	5	145	2062	LUC	CG 411601	30/12/2016
141	Hộ ông Nguyễn Văn Mừng	001076070687	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	49	378	1197,9	0,0	1197,9	LUC	5	238	1197,9	LUC	CG 345022	30/12/2016
				Đồng vục	59	95	958,0	0,0	958,0	LUC	143	07	958			
				Cửa Miếu	58	18	187,0	0,0	187,0	LUC	9	120	187			
142	Hộ ông Nguyễn Văn Ngoạn	001072004438	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	210	55,0	0,0	55,0	LUC	5	28b	55	LUC	CE 586445	30/09/2016
				Mút	50	361	80,0	0,0	80,0	LUC	8	90	80			
				Quảng Ba	50	633	831,0	0,0	831,0	LUC	6	224	831			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
143	Hộ ông Nguyễn Văn Ngọc	001067014206	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	169	252,0	0,0	252,0	LUC	9	34	252	LUC	CG 345025	30/12/2016
				Chũng Láng	50	443	97,0	0,0	97,0	LUC	8	51b	97			
				Mút	50	51	94,0	0,0	94,0	LUC	8	30	94			
				Mút	50	673	57,0	0,0	57,0	LUC	8	31	57			
144	Hộ ông Nguyễn Văn Ngọc	001031034842	Thôn Dư Dụ	Mút	50	230	117,0	0,0	117,0	LUC	8	67	117	LUC	CE 586419	30/9/2016
				Lưỡi Giao 2	50	583	773,0	0,0	773,0	LUC	6	165	773			
145	Hộ ông Nguyễn Văn Phương	001073040440	Thôn Dư Dụ	Cửa Chùa	49	252	436,5	0,0	436,5	LUC	5	157	436,5	LUC	CG 411598	30/12/2016
				Chũng Láng	50	308	107,0	0,0	107,0	LUC	6	38a	107			
				Mút	50	340	109,0	0,0	109,0	LUC	8	92	109		CG 345040	30/12/2016
146	Hộ ông Nguyễn Văn Quang (đã chết) Nguyễn Văn Cộng đại diện	001079045883	Thôn Dư Dụ	Mút	50	62	203,0	0,0	203,0	LUC	8	25	203	LUC	CE 586441	30/9/2016
				Đồng Nâu	48	136	479,0	0,0	479,0	LUC	9	2	479	LUC	CE 586449	30/9/2016
				Chũng Láng	50	427	168,0	0,0	168,0	LUC	7	44a	168			
				Lưỡi Giao 2	50	580	2007,0	0,0	2007,0	LUC	6	164	2007			
147	Hộ ông Nguyễn Văn Sênh	001052017354	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	144	192,0	0,0	192,0	LUC	9	42	192	LUC	CE 586440	30/09/2016
				Chũng Láng	50	266	152,0	0,0	152,0	LUC	35b	6	152			
				Mút	50	404	176,0	0,0	176,0	LUC	8	95	176			
148	Hộ ông Nguyễn Văn Sơn	001059037220	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	227	183,0	0,0	183,0	LUC	8	376	183	LUC	CE 800030	09/11/2016
				Bãi Láng	48	56	367,0	0,0	367,0	LUC	8	377	367			
				Đồng Nâu	59	32	2336,4	0,0	2336,4	LUC	5	266	2336,4			
149	Hộ ông Nguyễn Văn Song	001065005094	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	181	143,0	0,0	143,0	LUC	9	52	143	LUC	CG 411566	30/12/2016
				Mút	50	138	91,0	0,0	91,0	LUC	8	55	91			
				Quảng 1	50	567	441,0	0,0	441,0	LUC	6	140	441			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
150	Hộ ông Nguyễn Văn Tài	001070008709	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	157	72,0	0,0	72,0	LUC	9	11	72	LUC	CE 336828	24/9/2016
				Chũng Láng	50	310	55,0	0,0	55,0	LUC	6	38d	55			
				Đồng Các Cụ	50	507	779,0	0,0	779,0	LUC	6	182	779			
151	Hộ ông Nguyễn Văn Thân	001066009367	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	50	108,0	0,0	108,0	LUC	9	120	108	LUC	CG 411593	30/12/2016
152	Hộ ông Nguyễn Văn Thành	001075013488	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	441	68,0	0,0	68,0	LUC	8	51A	68	LUC	CG 241957	30/12/2016
				Mút	50	49	57,0	0,0	57,0	LUC	8	36	57			
				Mút	50	674	30,0	0,0	30,0	LUC	8	36	30			
153	Hộ ông Nguyễn Văn Thế (Ông Nguyễn Văn Thế đã chết) - Bà Nguyễn Thị Huệ đại diện	001176015144	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	215	36,0	0,0	36,0	LUC	9	11	36	LUC	CE 396395	10/9/2016
				Chũng Láng	50	362	28,0	0,0	28,0	LUC	7	44c	28			
				Các Cụ	50	512	419,0	0,0	419,0	LUC	6	59	419			
154	Hộ ông Nguyễn Văn Thuyên	001078013775	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	178	251,0	0,0	251,0	LUC	9	50	251	LUC	CE 586426	30/9/2016
				Đó 3 khoảnh 2	60	117	1896,0	0,0	1896,0	LUC	85	7	1896			
				Chũng Láng	50	324	117,0	0,0	117,0	LUC	2	8b	117			
155	Hộ ông Nguyễn Văn Tiểu	001070006315	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	173	307,0	0,0	307,0	LUC	6	340	307	LUC	CG 345021	30/12/2016
156	Hộ ông Nguyễn Văn Trách, Nguyễn Thị Công	001152005284	Thôn Dư Dụ	Đồng Ké	49	355	437,0	0,0	437,0	LUC	5	204, 236	437	LUC	CG 222124	26/12/2016
				Cửa Miếu	58	52	229,0	0,0	229,0	LUC	9	120	229			
				Chũng Láng	50	161	63,0	0,0	63,0	LUC	6	328	63			
				Cửa Chùa	49	262	508,0	0,0	508,0	LUC	5	161	508			
				Đồng Ké	49	318	494,0	0,0	494,0	LUC	5	204, 236	494			
				Bãi Láng	48	98	367,0	0,0	367,0	LUC	8	378	367			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
157	Hộ ông Nguyễn Văn Triển	001062041592	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	142	148,0	0,0	148,0	LUC	9	40	148	LUC	CE 207968	07/09/2016
				Chũng Láng	50	342	140,0	0,0	140,0	LUC	0	0	140			
				Mút	50	76	184,0	0,0	184,0	LUC	8	20	184			
158	Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn	001057026864	Thôn Dư Dụ	Đồng Quảng 1	50	554	316,0	0,0	316,0	LUC	6	124	316	LUC	CE 586446	30/9/2016
				Tròn 2	50	650	1952,0	0,0	1952,0	LUC	6	218	1952			
159	Hộ ông Nguyễn Xuân Quang	001053012400	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	146	63,0	0,0	63,0	LUC	6	$\frac{315+336+319}{9}$	63	LUC	CG 241982	30/12/2016
				Chũng Láng	50	170	63,0	0,0	63,0	LUC	6	$\frac{315+336+319}{9}$	63			
				Đồng Ké	59	5	436,5	0,0	436,5	LUC	5	172+250	436,5			
160	Hộ bà Phạm Thị Nhan	001148003202	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	101	465,0	0,0	465,0	LUC	8	379	465	LUC	CG 345036	30/12/2016
				Bãi Láng	48	73	348,0	0,0	348,0	LUC	8	377	348			
				Bờ Be Bãi Phị	49	304	655,0	0,0	655,0	LUC	5	183	655			
				Bờ Be	49	309	566,0	0,0	566,0	LUC	5	191	566			
161	Hộ bà Phạm Thị Sắc+Lê Thị Dung	001167001429	Thôn Dư Dụ	Cửa Miếu	58	57	135,0	0,0	135,0	LUC	9	120	135	LUC	CG 222132	26/12/2016
162	Hộ bà Phạm Thị Sáng	001148017267	Thôn Dư Dụ	Bãi Láng	48	77	367,0	0,0	367,0	LUC	8	379	367	LUC	CG 222125	25/12/2016
				Bãi Láng	48	82	418,0	0,0	418,0	LUC	8	378	418			
				Đồng Nâu	59	12	1866,0	0,0	1866,0	LUC	5	255	1866			
163	Hộ ông Phạm Trung Thông	001058034177	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	186	251,0	0,0	251,0	LUC	9	29	251	LUC	CE 396401	10/9/2016
				Chũng Láng	50	263	108,0	0,0	108,0	LUC	1	1a	108			
				Mút	50	380	62,0	0,0	62,0	LUC	8	101	62			
164	Hộ ông Phạm Văn Dẫn - Lê Thị Chanh đại diện	001136009904	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	187	152,0	0,0	152,0	LUC	9	24	152	LUC	CE 396400	10/09/2016
				Chũng Láng	50	205	114,0	0,0	114,0	LUC	5	29b	114			
				Đồng Quảng 1	50	532	187,0	0,0	187,0	LUC	5	89	187			
				Đồng Gò	50	579	1157,0	0,0	1157,0	LUC	6	132	1157			
				Mút	50	130	150,0	0,0	150,0	LUC	8	60	150			

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin trên mảnh trích đo							Thông tin trên GCN QSD đất					
				Địa chỉ	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
165	Hộ ông Phạm Văn Hưng	001098018382	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	216	117,0	0,0	117,0	LUC	1	6b	117	LUC	CE 207700	07/9/2016
				Đồng Chè	50	293	309,0	0,0	309,0	LUC	6	39	309			
				Đồng Quảng 2	50	604	1722,0	0,0	1722,0	LUC	6	161	1722			
166	Hộ ông Phạm Văn Hy	001061031896	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	204	76,0	0,0	76,0	LUC	9	40	76	LUC	CE 207952	07/09/2016
167	Hộ ông Phạm Văn Thành	001071014071	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	187	82,0	0,0	82,0	LUC	5	33d	82	LUC	CE 207696	07/09/2016
168	Hộ ông Phạm Văn Xuân	001063028723	Thôn Dư Dụ	Chũng Láng	50	333	118,0	0,0	118,0	LUC	2	10a	118	LUC	CG 411810	30/12/2016
				Mút	50	70	93,0	0,0	93,0	LUC	8	23	93			
169	Hộ bà Tạ Thị Tuyết	001159039572	Thôn Dư Dụ	Đồng Đạo	48	156	553,0	0,0	553,0	LUC	9	120	553	LUC	CE 800013	9/11/2016
170	Hộ bà Vũ Thanh Hà	001073010867	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	49	315	705,0	0,0	705,0	LUC	5	189	705	LUC	CE 800028	9/11/2016
171	Hộ bà Vũ Thị Cúc	001163017317	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	167	150,0	0,0	150,0	LUC	9	46	150	LUC	CG 222157	26/12/2016
				Đồng Quảng 1	50	550	274,0	0,0	274,0	LUC	6	121	274			
				Tròn 2	60	1	1690,0	0,0	1690,0	LUC	221	6	1690			
				Mút	50	67	58,0	0,0	58,0	LUC	8	24	58			
				Chũng Láng	50	682	112,0	0,0	112,0	LUC	5	29c	112			
172	Hộ bà Vũ Thị Thệp - Nguyễn Bá Cảnh đại diện	001065006239	Thôn Dư Dụ	Mút	50	344	231,0	0,0	231,0	LUC	8	89	231	LUC	CG 411535	30/12/2016
173	Hộ bà Vũ Thị Thệp + Nguyễn Thị Thu	001167015488	Thôn Dư Dụ	Lưỡi Giao 2	50	617	2251,0	0,0	2251,0	LUC	6	171	2251	LUC	CG 411537	30/12/2016
				Đồng Chè	50	319	404,0	0,0	404,0	LUC	0	21	404			
174	Hộ ông Nguyễn Văn Phát	001077010515	Thôn Dư Dụ	Đồng Nâu	48	217	213,0	0,0	213,0	LUC	52	9	213	LUC	CG 241974	30/12/2016
				Chũng Láng	50	199	27,0	0,0	27,0	LUC	31C	5	27			
				Đồng Chè	50	304	50,0	0,0	50,0	LUC	25	6	50			
				Đồng Quảng 3	50	601	280,0	0,0	280,0	LUC	148	6	280			
<b>TỔNG</b>						<b>450</b>	<b>174.251,9</b>	<b>0,0</b>	<b>174.251,9</b>			<b>450</b>	<b>174.251,9</b>			